

Bản án số: 302/2020/HS-PT

Ngày 23 - 6 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Đặng Hồng Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 199/HSPT ngày 23/04/2020 đối với bị cáo Trần Hùng D do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HS-ST ngày 02/3/2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị cáo có kháng cáo:*

Trần Hùng D, sinh năm 1958 tại tỉnh ST; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú và cư trú: 101/118B, ấp 4, xã ĐT, huyện HM, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Giám đốc; con ông Trần Văn K (đã chết) và con bà Huỳnh Thị S (đã chết); có vợ Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1966; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa)

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Công ty TNHH TM DV QH; địa chỉ trụ sở: Số 343 Bình Mỹ, Tổ 5, Ấp 6B, xã BM, huyện CC, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1967; Hộ khẩu thường trú: A105/7 NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố H; trú tại: Tổ 7, Khu phố 7, thị trấn PX, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

2. Công ty TNHH TM DV ĐT; địa chỉ trụ sở: Số 172/194/30/31 ADV, Phường 16, Quận 8, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị Ngọc T, sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Số 266/18 TĐ, Phường 8, Quận 4, Thành phố H (Vắng mặt)

3. Công ty CP TM DV KH; địa chỉ trụ sở: Số 45 đường BM, Ấp 7, xã BM, huyện CC, Thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1968; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 18/10 TVT, Phường 8, Quận 8, Thành phố H. (Vắng mặt)

### **NỘI U VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội U vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo vệ MC được thành lập từ năm 2009 địa chỉ số 10 LVB, phường TK, Quận 7, bao gồm 03 cổ phần góp vốn là Trần Hùng D (49%), Lê Thị Kim U (49%) và Nguyễn Đức V (2%), tuy nhiên V không tham gia gì trong hoạt động kinh doanh. Do thời điểm này, D đang là người đại diện pháp luật của Công ty CP DV Bảo vệ Long Hải nên không thể đứng tên người đại diện pháp luật của Công ty CP DV Bảo vệ MC, vì vậy U là người đại diện pháp luật cho Công ty CP DV Bảo vệ MC nhưng công việc của U là thủ quỹ của công ty, còn lại D là người trực tiếp điều hành quản lý hoạt động của công ty và ký tất cả các giấy tờ có liên quan đến hoạt động của công ty theo giấy ủy quyền của U. Đến tháng 03/2017, Công ty CP DV Bảo vệ MC đã thay đổi người đại diện pháp luật là Trần Hùng D.

Vào năm 2011-2012, Công ty CP DV Bảo vệ MC hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo vệ, có mua hàng hóa trôi nổi trên thị trường như đồng phục bảo vệ, bộ đàm, gậy sắt nhưng chưa được cơ quan Quản lý Nhà nước

cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng công cụ hỗ trợ (bộ đàm, gậy sắt) để trang bị cho nhân viên bảo vệ mục tiêu. Để có hóa đơn GTGT hợp thức hóa số hàng hóa không có hóa đơn chứng từ trên, Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ MC đã mua hóa đơn và kê khai báo cáo thuế thể hiện có thực hiện việc giao dịch mua bán mặt hàng là bộ đàm, gậy sắt 03 khúc, đồng phục, văn phòng phẩm, sửa chữa văn phòng và phí dịch vụ bảo vệ với 03 công ty:

- Công ty TNHH TM DV QH, MST: 0305833020, địa chỉ: 343 BM, tổ 5, ấp 6B, xã BM, huyện CC, Thành phố H do bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh, sinh năm 1967, thường trú: A105/7 NTH, Phường 18, Quận 4, Thành phố H, làm giám đốc;

- Công ty TNHH TM DV ĐT, MST: 0310214379, địa chỉ: 172/194/30/31 An Dương Vương, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Đặng Thị Ngọc T, sinh năm 1983, thường trú: 266/18 Tôn Đản, Phường 8, Quận 4, T Thành phố Hồ Chí Minh, làm giám đốc;

- Công ty CP TM DV KH, MST: 0309709352, địa chỉ: 45 Đường BM, ấp 7, xã BM, huyện CC, Thành phố H do ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1968, thường trú: 18/10 TVT, Phường 8, Quận 8, Thành phố H, làm giám đốc;

Các công ty trên hoàn toàn không thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa mà chỉ bán hóa đơn để hợp thức hóa chi phí đầu vào cho công ty CP Dịch vụ Bảo vệ MC, bao gồm các hóa đơn GTGT sau:

STT	Ký hiệu	Số hóa đơn	Ngày xuất hóa đơn	Doanh thu	Tiền thuế	Đơn vị bán hàng
01	03BK/11P	0011047	19/05/2011	450.535.000	45.053.500	Công ty TNHH TM DV ĐT
02	03BY/11P	0046982	26/07/2011	420.000.000	42.000.000	Công ty TNHH TM DV ĐT
03	DT/11P	0000300	28/12/2011	617.250.000	61.725.000	Công ty TNHH TM DV ĐT
04	DT/11P	0000426	03/03/2012	390.750.000	39.075.000	Công ty TNHH TM DV ĐT
05	QH/11P	0000415	05/03/2012	425.130.000	42.513.000	Công ty TNHH TM DV QH
06	QH/11P	0000459	30/03/2012	450.217.000	45.021.700	Công ty TNHH TM DV QH
07	QH/12P	0000550	28/04/2012	454.230.000	45.423.000	Công ty TNHH TM DV QH
08	QH/12P	0000629	30/05/2012	395.250.000	39.525.000	Công ty TNHH TM DV QH
09	KH/12P	0000030	30/06/2012	473.180.000	47.318.000	Công ty CP TM DV KH
<b>Tổng cộng</b>				<b>4.076.542.000</b>	<b>407.654.200</b>	

Việc công ty CP Dịch vụ Bảo vệ MC mua hóa đơn của các công ty trên để hợp thức hóa chi phí đầu vào là do D, U và Nguyễn Thị Hồng V (kế toán công ty) bàn bạc thống nhất cùng thực hiện. V là người lên mạng tìm mua hóa đơn đã liên lạc qua điện thoại với một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đồng ý bán hóa đơn GTGT cho công ty CP Dịch vụ Bảo vệ MC để hợp thức hóa với giá tiền bằng 10% giá trị ghi trên hóa đơn trước thuế. Cách thức mua bán hóa đơn là bên bán soạn sẵn hợp đồng kinh tế, các chứng từ đã có ký tên đóng dấu của 03 công ty trên rồi chuyển lại cho V, đồng thời chuyển tiền vào tài khoản của Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ MC để hợp thức hóa việc thanh toán đúng số tiền hàng hóa ghi trên hóa đơn GTGT; sau đó, V đưa các chứng

từ (hợp đồng kinh tế, ủy nhiệm chi) cho ông D ký tên đóng dấu Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ MC. Sau khi cung cấp cho bên bán hóa đơn gồm ủy nhiệm chi, hợp đồng kinh tế có ký tên đóng dấu của Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ MC và trả tiền mua hóa đơn 10% trên trị giá hàng hóa ghi trên hóa đơn trước thuế là kết thúc giao dịch. Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ MC đã đồng ý và thực hiện giao dịch như yêu cầu, V giao dịch mua 09 tờ hóa đơn GTGT với tổng số tiền 407.653.700 đồng. Việc D chỉ đạo V mua 09 tờ hóa đơn GTGT trên để hợp thức hóa chi phí mua công cụ hỗ trợ của Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ MC thì U thực hiện việc giao dịch mua khi V mua hóa đơn GTGT và cung cấp đầy đủ thủ tục bao gồm hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế, ủy nhiệm chi thì U sẽ chi tiền mua hóa đơn cho V là 10% trên trị giá hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn. Việc ký ủy nhiệm chi để hợp thức hóa việc chuyển tiền thanh toán qua ngân hàng vì sau khi đã thống nhất mua hóa đơn, căn cứ yêu cầu về mặt hàng, số lượng, trị giá hàng hóa của Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ MC thì người bán hóa đơn sẽ chuyển đúng số tiền ghi trên hóa đơn sau khi đã tính thuế vào tài khoản của công ty CP Dịch vụ Bảo vệ MC số 6160201005420 mở tại ngân hàng A – Chi nhánh NSG và số 113599419 mở tại ngân hàng B – Chi nhánh TP, Thành phố H. Sau đó, V đưa ủy nhiệm chi cho D ký tên đóng dấu để U chi tiền cho V để trả tiền mua hóa đơn GTGT V làm thủ tục chuyển tiền lại cho người bán hóa đơn. Đối với 09 tờ hóa đơn GTGT trên, U đã chi tiền cho V 07 lần với tổng số tiền là 407.654.200 đồng. Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ MC đã khai báo khấu trừ thuế đối với 09 tờ hóa đơn GTGT trên tại Chi cục thuế Quận 7 trong năm 2011-2012.

Quá trình xác minh, Chi cục thuế huyện Củ Chi đã có Thông báo số 1020/TB-BKD-CCTCCH ngày 26/06/2012 về việc cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ kinh doanh đối với Công ty TNHH TM DV QH; Thông báo số 910/TB-CCT-KTr1 ngày 14/06/2012 về việc cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ kinh doanh đối với Công ty TNHH TM DV ĐT; Thông báo số 2259/TB-CCT-KTr1 ngày 22/11/2012 về việc cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ kinh doanh đối với Công ty CP TM DV KH.

Căn cứ kết luận giám định tư pháp về thuế kết luận: Công ty CP Dịch vụ bảo vệ MC đã mua và sử dụng 09 số hóa đơn GTGT mua vào từ tháng 05/2011 đến tháng 06/2012 để hợp thức hóa chi phí đầu vào dẫn đến trốn thuế GTGT và TNDN với số tiền như sau: thuế GTGT: 407.654.200 đồng, thuế TNDN: 1.019.135.500 đồng; tổng cộng số tiền thuế GTGT và TNDN trốn là 1.426.789.700 đồng. Cụ thể số tiền trốn thuế của từng loại thuế theo từng năm tài chính như sau:

+ Năm 2011, Công ty CP Dịch vụ bảo vệ MC trốn thuế GTGT là 148.778.500 đồng, trốn thuế TNDN là 371.946.250 đồng.

+ Năm 2012 Công ty CP Dịch vụ bảo vệ MC trốn thuế GTGT là 258.875.700 đồng, trốn thuế TNDN là 647.189.250 đồng.

Số tiền trốn thuế D và U được hưởng chia đôi theo vốn góp (mỗi người 50%), còn V ngoài tiền lương ra, V không được hưởng tiền gì khác.

Tại Công an Quận 7, Trần Hùng D, Lê Thị Kim U và Nguyễn Thị Hồng V đã thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho Chi cục thuế Quận 7 (nay là Chi cục thuế Khu vực Quận 7 – huyện nb) đề nghị Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ MC và các bị cáo phải nộp cho ngân sách nhà nước số tiền 1.426.789.700 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo D đã tự nguyện nộp số tiền 400.0000.000 đồng để khắc phục hậu quả, bị cáo U đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền 713.394.850 đồng để khắc phục hậu quả nên ghi nhận sự tự nguyện này của các bị cáo và buộc bị cáo D phải nộp lại số tiền là 313.394.850 đồng cho Chi cục thuế Quận 7, Thành phố H (nay là Chi cục thuế Khu vực Quận 7 – huyện NB).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HS-ST ngày 02/3/2020 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Hùng D, Lê Thị Kim U và Nguyễn Thị Hồng V cùng phạm tội “Trốn thuế”.

Áp dụng Khoản 3 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 4 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Trần Hùng D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo Trần Hùng D nộp phạt số tiền trốn thuế còn lại là 313.394.850 đồng (do bị cáo đã nộp 400.000.000 đồng) cùng 20.000.000 đồng tiền phạt bổ sung để sung vào ngân sách nhà nước. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Lê Thị Kim U, Nguyễn Thị Hồng V, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/3/2020 bị cáo Trần Hùng D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt do bị cáo hiện mắc nhiều bệnh và xem xét trách nhiệm liên đới bồi thường của các công ty ĐT, QH, KH.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Hùng D khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với bản án sơ thẩm đã nêu và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ nhận định án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội U vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Trần Hùng D, Nguyễn Thị Hồng V, Lê Thị Kim U đồng phạm thực hiện hành vi mua hóa đơn giá trị gia tăng của các công ty: Công ty TNHH TM DV QH, Công ty TNHH TM DV ĐT, Công ty CP TM DV KH để hợp thức hóa chi phí đầu vào nhằm giảm số tiền thuế phải nộp nhằm trốn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ MC trong 02 năm 2011 và 2012 với tổng số tiền 1.426.789.700 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Trần Hùng D về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 161 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Và khi lượng hình cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, đã khắc phục phần lớn thiệt hại (400.000.000 đồng) được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 02 năm 6 tháng tù là có căn cứ và đúng pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm xét thấy bị cáo đã lớn tuổi, hiện đang điều trị nhiều bệnh và đã khắc phục phần lớn thiệt hại nên xem xét áp dụng thêm điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt cũng đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với yêu cầu kháng cáo bị cáo yêu cầu xem xét trách nhiệm liên đới bồi thường của các công ty ĐT, QH, KH: xét thấy quá trình điều tra Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung làm rõ vi phạm của các công ty trên nhưng không được chấp nhận, hiện các công ty này không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký, người đại diện theo pháp luật bị mất chứng minh nhân dân hoặc cho mượn chứng minh nhân dân để đăng ký thành lập doanh nghiệp nên cơ quan điều tra đã tách để giải quyết

bằng vụ án khác nên Tòa không giải quyết quyền hay nghĩa vụ của các công ty này trong vụ án này.

[2] Với lập luận trên đây, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo; chấp nhận một phần quan điểm của Kiểm sát viên và sửa bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về án phí đối với bị cáo: không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Khoản 3 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13; Điểm s, b Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 4 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Hùng D và sửa bản án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hùng D 02 (hai) năm tù về tội “Trốn thuế”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Về án phí đối với bị cáo Trần Hùng D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM; (1)
- VKSND Quận 7; (1)
- P. PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Chi Cục THA Quận 7; (1)
- TAND Quận 7; (2)
- Công an Quận 7; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (22). (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Hà**